

PHU LUC 02
BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ PHƯỚC THÀNH NĂM 2022
(Kèm theo Kết luận số 01/KL-STC ngày 10/01/2024 của Giám đốc Sở Tài chính)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán UBND huyện giao			Dự toán HĐND xã giao chi NSX	Dự toán UBND xã giao chi NSX	So sánh DT HĐND xã giao với DT UBND	
		Chi NSX (ban đầu)	Chi NSX (điều chỉnh)	Cụ thể nội dung chi NSX (điều chỉnh)			Số tuyệt đối	%
A	B	1	2	3	4	5	6=4-3	7=4/3
	Tổng cộng	8.266.000.000	31.136.586.057	31.136.586.057	34.686.521.233	34.686.521.233	3.549.935.176	111,40
A	Chi đầu tư phát triển	4.000.000.000	0	24.185.180.000	29.180.241.000	29.180.241.000	4.995.061.000	120,65
1	Nguồn cấp trên hỗ trợ			11.346.464.000	12.447.600.000	12.447.600.000	1.101.136.000	109,70
2	Nguồn NSX (nguồn thu tiền SDD)	4.000.000.000	0	10.214.800.000	15.662.000.000	15.662.000.000	5.447.200.000	153,33
3	Nguồn khác			2.303.916.000			-2.303.916.000	
4	Nguồn đóng góp			320.000.000	925.000.000	925.000.000	605.000.000	289,06
5	Nguồn từ chuyển nguồn năm trước sang				145.641.000	145.641.000	145.641.000	
B	Tổng chi thường xuyên			6.951.406.057	5.506.280.233	5.506.280.233	-1.445.125.824	79,21
I	Chi thường xuyên	4.183.000.000	4.183.000.000	6.868.406.057	5.285.381.233	5.285.381.233	-1.583.024.824	76,95
1	Chi hoạt động thường xuyên	4.183.000.000	4.183.000.000	4.183.000.000	5.285.381.233	5.285.381.233	1.102.381.233	126,35
a	Chi hoạt động sự nghiệp	245.000.000	245.000.000	245.000.000	755.000.000	755.000.000	510.000.000	308,16
b	Chi hành chính	3.517.000.000	3.517.000.000	3.517.000.000	3.593.137.233	3.593.137.233	76.137.233	102,16
c	Chi An ninh - Quốc phòng	299.000.000	299.000.000	299.000.000	498.000.000	498.000.000	199.000.000	166,56
d	Chi mục tiêu	101.000.000	101.000.000	101.000.000			-101.000.000	
e	Chi khác ngân sách	21.000.000	21.000.000	21.000.000	46.000.000	46.000.000	25.000.000	219,05
f	Chi mục tiêu của nguồn chuyển từ năm trước				393.244.000	393.244.000	393.244.000	
2	Chi bổ sung có mục tiêu mang tính chất sự nghiệp			2.685.406.057			-2.685.406.057	
II	Chi bổ sung có mục tiêu		26.870.586.057					
1	Mục tiêu có tính chất đầu tư		24.185.180.000					
a	Nguồn cấp trên hỗ trợ		11.346.464.000					
b	Nguồn NSX (nguồn thu tiền SDD)		10.214.800.000					
c	Nguồn khác		2.303.916.000					
d	Nguồn đóng góp		320.000.000					
2	Mục tiêu có tính chất sự nghiệp		2.685.406.057					
III	Cải cách tiền lương				137.899.000	137.899.000	137.899.000	
IV	Dự phòng chi	83.000.000	83.000.000	83.000.000	83.000.000	83.000.000	0	100,00
V	Chi chuyển nguồn của NSX sang năm sau							
VI	Chi nộp trả ngân sách cấp trên							